

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 4 - 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Chung

2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Danh Thị L, sinh năm: 1983 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Minh L, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Danh Thị L trình bày:

Chị L và anh L tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Danh L (nam) sinh ngày 24/5/2004 và cháu Lê Quốc Th (nam) sinh ngày 27/8/2010, hai cháu hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi, chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có, nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Minh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị L, cho chị L được ly hôn với anh L. Về con chung: Giao con chung là cháu Danh L (nam) sinh ngày 24/5/2004 cho anh Lê Minh L được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Lê Quốc Th (nam) sinh ngày 27/8/2010 cho chị Danh Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L và chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh L và chị L chưa yêu cầu. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn Danh Thị L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Danh Thị L yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” được Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Minh L có đơn xin vắng mặt nên hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lê Minh L.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị L thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị L và anh Lê Minh L tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, vợ chồng anh chị đã duy trì quan hệ hôn nhân được một thời gian, có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không thể hàn gắn được. Căn cứ vào kết quả xác minh, lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở chứng minh rằng quan hệ của anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa chị L vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh L. Nhận thấy chị L và anh L đã có thời gian mâu thuẫn kéo dài từ năm 2013 cho đến nay, nhưng anh chị không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là cháu Danh L (nam) sinh ngày 24/5/2004 và cháu Lê Quốc Th (nam) sinh ngày 27/8/2010. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi cháu Th, đồng ý giao cháu L cho anh L nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu L hiện đang sống với anh L, cháu Th hiện đang sống với chị L. Hai cháu trên 07 tuổi, nguyện vọng của cháu L là được sống với cha, nguyện vọng của cháu Th là được sống với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống của hai cháu nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu L cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có, nhưng không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn Danh Thị L phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng).

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Danh Thị L được ly hôn với anh Lê Minh L.

Về con chung: Giao con chung là cháu Danh L (nam) sinh ngày 24/5/2004 cho anh Lê Minh L được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Lê Quốc Th (nam) sinh ngày 27/8/2010 cho chị Danh Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L và chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh L và chị L chưa yêu cầu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh L, chị L không ai được cản trở.

Về tài sản chung: không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: đương sự khai không có, nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Danh Thị L phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo lai thu số 0006129 phiếu lập ngày 20/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/4/2022). Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Lương Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng